TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIANG THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2017/QĐST-HNGĐ	*Giang Thành, ngày 13 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 33/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Quyền M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấpT, xã P, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: phố L, phường H, quận I, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Huỳnh T – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng L huyện A. Theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Ngân hàng L.

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang,

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55 và điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Quyền M và anh Trần Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Quyền M và anh Trần Văn Đ thuận tình ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị M, anh Đ, nguyện vọng của cháu Trần Minh L, cụ thể như sau:

Giao cháu Trần Minh L, giới tính nam, sinh ngày 20/12/2008 và cháu Trần Ngọc Huỳnh T, giới tính nữ, sinh ngày 27/4/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị M và anh Đ, chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Về quan hệ tài sản chung: Chị M và anh Đ đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Phan Thị Quyền M, anh Trần Văn Đ, và Ngân hàng L về việc:

Anh Trần Văn Đ nhận thực hiện thanh toán khoản nợ chung cho Ngân hàng L số tiền 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh khi đến hạn thanh toán.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Quyền M nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nên được hoàn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004749, ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Phước Lộc